CHUYỂN GIAO QUYỀN YÊU CẦU PHÁT SINH TỪ HỢP ĐỒNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

NGUYỄN HOÀNG CHƯƠNG
Trường Đại học Tây Đô

Nhận bài ngày 01/4/2025. Sửa chữa xong 06/4/2025. Duyệt đăng 11/4/2025.

Abstract

With the development of the economy, commercial contracts have become increasingly popular and have garnered greater attention. Once a contract is established and takes legal effect, the parties must perform their rights and obligations as agreed, thereby helping each party achieve its objectives. In practice, the party entitled to demand the performance of an obligation may not always be able or willing to continue exercising this right. Therefore, to facilitate the transfer of the right to demand the performance of obligations, including rights arising from commercial contracts, the Civil Code 2015 provides specific provisions on the assignment of claims. However, the current regulations still reveal certain limitations and gaps, necessitating specific solutions to improve the legal framework.

Keywords: *Right of request, assignment of rights, proxy, commercial contract.*

1. Đặt vấn đề

Hợp đồng thương mại (HĐTM) là một phương tiện pháp lý quan trọng giúp cho các bên đạt được mục đích sinh lợi của mình, khi hợp đồng (HĐ) có hiệu lực pháp luật, đây sẽ là cơ sở để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ HĐ. Thực tiễn, không phải lúc nào bên có quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM cũng có thể hoặc muốn tiếp tục thực hiện quyền yêu cầu của mình, lúc này việc chuyển giao quyền yêu cầu cho bên thứ ba sẽ là giải pháp phù hợp. Do chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM không được quy định tại Luật Thương mại 2005, mà được ghi nhận tại Bộ luật Dân sự 2015, vì thế việc thực hiện chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM sẽ được thực hiện theo các quy định tại Bộ luật này. Tuy nhiên, cho đến giai đoạn hiện tại quy định về chuyển giao quyền yêu cầu tại Bộ luật Dân sự 2015 cũng đã bộc lộ những khoảng trống, vướng mắc nhất định dẫn đến chưa đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các chủ thể liên quan, phù hợp với thực tiễn, do đó cần có những giải pháp khắc phục những vấn đề này.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định pháp luật về chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ hợp đồng thương mại

2.1.1. Chuyển giao quyền yêu cầu

Trong hoạt động thương mại, HĐTM có hiệu lực pháp luật là một trong những căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với các bên trong hợp đồng, HĐTM hiện nay rất đa dạng, các bên có thể giao kết HĐ mua bán hàng hóa, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng ủy thác… phụ thuộc vào mục đích của các bên trong HĐ, từ thời điểm HĐ có hiệu lực, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo cam kết. Thế nhưng, không phải lúc nào bên có quyền cũng luôn luôn phải thực hiện quyền của mình, tùy vào tình hình thực tế *"Bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền theo thỏa thuận…"* [4, khoản 1 Điều 365]. Như vậy, pháp luật đã cho phép bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có thể chuyển giao quyền yêu cầu cho bên thứ ba là người thế quyền,

Email: nhchuong@tdu.edu.vn.

trong đó bao gồm quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM, điều này cho thấy có sự mềm dẻo trong pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao quyền yêu cầu của bên có quyền trong HĐTM.

Khi thực hiện chuyển giao quyền yêu cầu phải được dựa trên cơ sở thỏa thuận giữa người chuyển giao và người thế quyền, tức là các bên phải thể hiện sự thống nhất ý chí, tự nguyện trong việc chuyển giao quyền yêu cầu, khác với Bộ luật Dân sự 2005 việc chuyển giao quyền yêu cầu tại Bộ luật Dân sự 2015 đã bỏ quy định bắt buộc về hình thức bằng văn bản. Bên cạnh đó, không phải trường hợp nào bên có quyền cũng được chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền, cụ thể việc chuyển giao quyền yêu cầu sẽ không được thực hiện nếu *"Bên có quyền và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định về việc không được chuyển giao quyền yêu cầu"* [4, điểm b khoản 1 Điều 365], nghĩa là giữa bên có quyền và bên có nghĩa vụ trong HĐTM đã có thỏa thuận không được chuyển giao quyền yêu cầu trước khi quyền yêu cầu được chuyển giao cho người thế quyền, việc thỏa thuận này có thể được ghi nhận trong HĐTM giữa các bên hoặc không thuộc nội dung của HĐTM, đồng thời một số trường hợp đặc biệt nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên trong HĐTM, lợi ích công cộng và dự liệu cho tương lai pháp luật không cho phép chuyển giao quyền yêu cầu, lúc này bên có quyền yêu cầu sẽ bị giới hạn việc chuyển giao quyền theo quy định.

Hệ quả của việc chuyển giao quyền yêu cầu là *"Khi bên có quyền yêu cầu chuyển giao quyền yêu cầu cho người thế quyền thì người thế quyền trở thành bên có quyền yêu cầu. Việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ"* [4, khoản 2 Điều 365], lúc này người thế quyền đã có thể yêu cầu bên có nghĩa vụ trong HĐTM thực các nghĩa vụ đối với mình, trường hợp bên có nghĩa vụ vi phạm HĐ bên thế quyền cũng sẽ được áp dụng các chế tài theo thỏa thuận trong HĐTM và quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho mình. Một điểm khác giữa chuyển giao quyền yêu cầu với chuyển giao nghĩa vụ là *"việc chuyển giao quyền yêu cầu không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ"*, tức là việc chuyển giao quyền yêu cầu không phụ thuộc vào ý chí của bên có nghĩa vụ, trong khi bên có nghĩa vụ chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ phải được bên có quyền đồng ý, thực chất vì việc chuyển giao quyền yêu cầu sẽ không làm thay đổi nội dung trong HĐ, quyền lợi của bên có nghĩa vụ sẽ không bị ảnh hưởng, vì thế không cần thiết phải có sự chấp thuận của bên có nghĩa vụ. Tuy nhiên, *"người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trường hợp bên chuyển giao quyền yêu cầu không thông báo về việc chuyển giao quyền mà phát sinh chi phí cho bên có nghĩa vụ thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí này"* [4, khoản 2 Điều 365], điều này là cần thiết để chủ thể này biết được một cách rõ ràng ai là người thế quyền và đã có sự thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu trên thực tế, trường hợp bên có quyền yêu cầu và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận khác thì việc thông báo sẽ thực hiện theo thỏa thuận của các bên, cùng với đó khi bên chuyển giao quyền yêu cầu vi phạm nghĩa vụ thông báo sẽ phải chịu rủi ro về những chi phí phát sinh của bên có nghĩa vụ, nghĩa là phải thanh toán lại chi phí đó cho bên có nghĩa vụ.

2.1.2. Nghĩa vụ cung cấp thông tin và chuyển giao giấy tờ

Sau khi các bên đã thỏa thuận về việc chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM, *"người chuyển giao quyền yêu cầu phải cung cấp thông tin cần thiết, chuyển giao giấy tờ có liên quan cho người thế quyền"* [4, khoản 1 Điều 366], đây là nghĩa vụ bắt buộc người chuyển giao quyền yêu cầu phải thực hiện. Các thông tin cần thiết có thể là thông tin về bên có nghĩa vụ, hàng hóa, dịch vụ… hoặc theo thỏa thuận giữa các bên về những thông tin cần thiết mà bên chuyển giao quyền yêu cầu phải cung cấp. Bên cạnh đó, bên thế quyền còn được chuyển giao giấy tờ có liên quan từ người chuyển giao quyền yêu cầu, giấy tờ có liên quan có thể là HĐ chính, hợp đồng phụ, hóa đơn, chứng từ… Vì mục đích của hoạt động thương mại là sinh lợi, các HĐTM thường có giá trị rất lớn và phức tạp, có rất nhiều thông tin, giấy tờ quan trọng gắn với HĐTM, thế nên việc được cung cấp thông tin và chuyển giao giấy tờ là phù hợp để người thế quyền thực hiện quyền yêu cầu của mình. Do quy định chưa thể hiện rõ ràng thông tin cần thiết và giấy tờ có liên quan là gì, nên khi chuyển giao quyền yêu cầu các bên nên thỏa thuận rõ vấn đề này, trường hợp chưa có sự thống nhất thì bên chuyển giao quyền yêu cầu phải tự xác định để thực hiện nghĩa vụ trên.

Cung cấp thông tin và chuyển giao giấy tờ là nghĩa vụ theo quy định của Luật, vì vậy người chuyển giao quyền yêu cầu không thể từ chối thực hiện, nếu vi phạm nghĩa vụ thì phải chịu bất lợi về mặt pháp lý, theo quy định *"người chuyển giao quyền yêu cầu vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này mà gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại"* [4, khoản 2 Điều 366], tức là người chuyển giao quyền yêu cầu không thực hiện đúng nghĩa vụ cung cấp thông tin cần thiết, chuyển giao giấy tờ có liên quan cho người thế quyền, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật dân sự, trường hợp người thế quyền không bị tổn thất nào hoặc rơi vào các trường hợp không phải chịu trách nhiệm dân sự thì người chuyển giao quyền yêu cầu không phải bồi thường thiệt hại, qua đó giúp bảo vệ quyền lợi cho các bên.

2.1.3. Trách nhiệm sau khi chuyển giao quyền yêu cầu

Sau khi quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM đã được chuyển giao, người thế quyền sẽ trở thành bên có quyền, cùng với đó sẽ phải chịu những rủi ro liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ. Như vậy, để bảo vệ lợi ích của người thế quyền, câu hỏi đặt ra là liệu rằng người chuyển giao quyền yêu cầu có phải chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ sau khi chuyển giao quyền yêu cầu không? Theo đó, quy định hiện nay cho thấy *"Người chuyển giao quyền yêu cầu không phải chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ sau khi chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"* [4, Điều 367], như vậy người chuyển giao quyền yêu cầu sẽ không phải gánh chịu những hậu quả bất lợi hay bù đắp những tổn thất đối với người thế quyền về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ, điều này là hợp lý vì *"sau khi thực hiện xong việc chuyển quyền, người chuyển giao quyền yêu cầu không còn liên quan và không có quyền, nghĩa vụ gì trong mối quan hệ với người thế quyền và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm gì nếu người có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đối với người có quyền"* [7, tr.564]. Tuy nhiên, nếu người chuyển giao quyền yêu cầu và người thế quyền có thỏa thuận người chuyển giao quyền yêu cầu phải chịu trách nhiệm về khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên có nghĩa vụ sau khi chuyển giao quyền yêu cầu thì sẽ thực hiện theo thỏa thuận này, việc cho các bên thỏa thuận là phù hợp với nguyên tắc tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận của pháp luật dân sự, giúp hạn chế rủi ro pháp lý cho người thế quyền.

2.1.4. Chuyển giao quyền yêu cầu có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

Theo Bộ luật Dân sự 2015 có chín biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm: cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, bảo lưu quyền sở hữu, bảo lãnh, tín chấp và cầm giữ tài sản, đây đều là những công cụ pháp lý quan trọng để ràng buộc chủ thể có nghĩa vụ thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Trên thực tế, HĐTM ngày càng trở nên phổ biến trong đời sống kinh tế, xã hội, tùy vào từng loại HĐTM, các bên có thể thỏa thuận hoặc phải áp dụng biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ phù hợp theo quy định pháp luật để hạn chế rủi ro, tổn thất do bên có nghĩa vụ vi phạm HĐ. Do quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM được chuyển giao có thể được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, đòi hỏi pháp luật phải dự liệu đến trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ này có được chuyển giao hay chấm dứt. Quy định hiện nay cho thấy *"trường hợp quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ có biện pháp bảo đảm thì việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả biện pháp bảo đảm đó"* [4, Điều 368], như vậy biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ sẽ vẫn còn giá trị pháp lý và được chuyển giao cùng với quyền yêu cầu mà không cần phải có sự thỏa thuận giữa người chuyển giao quyền yêu cầu và người thế quyền hoặc phải được sự đồng ý của bên có nghĩa vụ, rõ ràng dù có thay đổi bên có quyền yêu cầu thì biện pháp bảo đảm cũng chỉ áp dụng đối với nghĩa vụ đã thỏa thuận trước đó, hoàn toàn không ảnh hưởng đến quyền lợi cho bên có nghĩa vụ, khi pháp luật cho phép việc chuyển giao quyền yêu cầu bao gồm cả biện pháp bảo đảm sẽ giúp người thế quyền hạn chế khả năng bị vi phạm HĐ.

2.1.5. Quyền từ chối của bên có nghĩa vụ

Việc chuyển giao quyền yêu cầu về cơ bản là thay đổi chủ thể thực hiện quyền yêu cầu, không làm tác động đến quyền lợi cho bên có nghĩa vụ trong HĐTM, thế nhưng để hạn chế rủi ro cho bên có nghĩa vụ, ở một số trường hợp nhất định pháp luật đã cho phép bên có nghĩa vụ được quyền từ chối thực

hiện nghĩa vụ phát sinh từ HĐTM đối với người thế quyền, cụ thể *"trường hợp bên có nghĩa vụ không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu và người thế quyền không chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu thì bên có nghĩa vụ có quyền từ chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền"* [4, khoản 1 Điều 369], như vậy không phải lúc nào có sự chuyển giao quyền yêu cầu thì bên có nghĩa vụ cũng đều phải thực hiện nghĩa vụ đối với bên thế quyền, có thể hiểu để bên có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền phải đáp ứng đủ hai điều kiện sau: (i) bên có nghĩa vụ đã được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu, tức là bên có nghĩa vụ phải được thông báo bằng văn bản hoặc hình thức khác theo thỏa thuận giữa bên có quyền yêu cầu và bên có nghĩa vụ, (ii) người thế quyền phải chứng minh về tính xác thực của việc chuyển giao quyền yêu cầu, nghĩa là người thế quyền phải chứng minh được mình đã được chuyển giao quyền yêu cầu trên thực tế.

Bên cạnh đó, *"trường hợp bên có nghĩa vụ do không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu mà đã thực hiện nghĩa vụ đối với người chuyển giao quyền yêu cầu thì người thế quyền không được yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đối với mình"* [4, khoản 2 Điều 369], việc quy định không cho phép người thế quyền được yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong trường hợp này là phù hợp, vì khi người chuyển giao quyền yêu cầu không thông báo thì bên có nghĩa vụ không thể biết được có việc chuyển giao quyền yêu cầu và có sự tồn tại của người thế quyền, khi đến hạn thực hiện HĐ, bên có nghĩa vụ buộc phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình để không vi phạm HĐ, điều này được xem như bên có nghĩa vụ đã thực hiện đúng HĐ, nếu tiếp tục phải thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền sẽ không đảm bảo quyền lợi cho bên có nghĩa vụ.

2.2. Thực trạng quy định pháp luật về chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ hợp đồng thương mại

2.2.1. Theo quy định pháp luật cho thấy việc chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM sẽ được thực hiện thông qua sự thỏa thuận giữa bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ với người thế quyền, *"thực chất, chuyển giao quyền yêu cầu là một HĐ bởi việc chuyển giao quyền yêu cầu phải được sự thỏa thuận và thống nhất ý chí của bên chuyển giao và bên nhận chuyển giao"* [7, tr. 561], nói cách khác do sự thỏa thuận giữa các bên đã xác lập quyền và nghĩa vụ đối với nhau, tạo sự ràng buộc về mặt pháp lý nên các bên phải tôn trọng và thực hiện, vì thế thỏa thuận này mang bản chất của một HĐ chuyển giao quyền yêu cầu. Về bản chất chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM là sự thay đổi về mặt chủ thể thực hiện quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM đối với bên có nghĩa vụ, vì vậy việc thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu sẽ giúp các bên đạt được mục đích mà mình mong muốn, tạo điều kiện cho việc thực hiện quyền yêu cầu được chuyển giao nhanh chóng và hiệu quả.

Hiện nay, Bộ luật Dân sự 2015 đã có những quy định cụ thể về giao dịch dân sự vô hiệu, chế định HĐ cũng đã theo hướng *"quy định về giao dịch dân sự vô hiệu từ Điều 123 đến Điều 133 của Bộ luật này cũng được áp dụng đối với hợp đồng vô hiệu"* [4, khoản 1 Điều 407] nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các chủ thể và lợi ích công cộng khi tham gia vào quan hệ dân sự. Thế nhưng một vấn đề đặt ra là thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM có thể bị vô hiệu khi rơi vào các trường hợp giống như giao dịch dân sự vô hiệu không? Trong khi trên thực tế xuất phát từ nguyên nhân chủ quan hoặc khách quan, thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu giữa các bên có thể vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác hoặc trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba; bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép… gây ảnh hưởng đến quyền lợi của một bên, lợi ích công cộng. Nhìn chung, các quy định về chuyển giao quyền yêu cầu chưa có câu trả lời rõ ràng cho vấn đề trên.

2.2.2. Thông báo cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu là thể hiện trách nhiệm của người chuyển giao quyền yêu cầu, đồng thời giúp cho bên có nghĩa vụ biết được những thông tin liên quan về sự thay đổi của chủ thể có quyền trong HĐTM. Khi chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM cho người thế quyền, quy định buộc người chuyển giao quyền yêu cầu phải thông báo bằng văn bản cho bên có nghĩa vụ biết về việc chuyển giao quyền yêu cầu, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Như vậy, nếu như thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu pháp luật cho phép các bên được quyền thỏa thuận dưới bất kỳ hình thức nào, thì việc thông báo chuyển giao quyền yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản, khi thông báo bằng hình thức văn bản sẽ tạo ra chứng cứ pháp lý chắc chắn

hơn, chỉ khi giữa người chuyển giao quyền yêu cầu và bên có nghĩa vụ thỏa thuận thông báo bằng hình thức khác, việc thông báo sẽ được thực hiện theo thỏa thuận này.

Tại các quy định khác của pháp luật, chẳng hạn như: *"Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản"* [4, khoản 1 Điều 119]; *"Các hình thức có giá trị tương đương văn bản bao gồm điện báo, telex, fax, thông điệp dữ liệu và các hình thức khác theo quy định của pháp luật"* [3, khoản 15 Điều 3]; *"Trường hợp pháp luật yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu nếu thông tin trong thông điệp dữ liệu đó có thể truy cập và sử dụng được để tham chiếu"* [5, khoản 1 Điều 9], các quy định được viện dẫn đều cho phép hình thức thông điệp dữ liệu được coi là có giá trị tương đương như văn bản, tạo sự thống nhất giữa các quy định và tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể đáp ứng yêu cầu hình thức bằng văn bản khi pháp luật có quy định. Trong khi đó, câu hỏi đặt ra là trường hợp giữa người chuyển giao quyền yêu cầu với bên có nghĩa vụ không có thỏa thuận và người chuyển giao quyền yêu cầu đã thông báo việc chuyển giao quyền yêu cầu dưới hình thức thông điệp dữ liệu thì hình thức này có giá trị tương đương văn bản không? Theo đó, vì quy định pháp luật về chuyển giao quyền yêu cầu không đề cập đến các hình thức thông báo khác có giá trị tương đương văn bản, nên có thể hiểu quy định chỉ hướng đến hình thức thông báo là văn bản truyền thống, việc thông báo bằng hình thức thông điệp dữ liệu sẽ không đáp ứng về hình thức thông báo. Như vậy, đây sẽ là một hạn chế, mang tính rập khuôn trong quy định của pháp luật, chưa đáp ứng và phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin trên thực tế.

2.3. Giải pháp hoàn thiện quy định pháp luật về chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ hợp đồng thương mại

2.3.1. Bổ sung quy định về thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu theo hướng *"quy định về giao dịch dân sự vô hiệu tại Điều 123, 124, 125, 126, 127, 128, 130, 131 và 132 của Bộ luật này cũng được áp dụng đối với thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu"*, thỏa thuận để chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM là yêu cầu bắt buộc theo quy định của pháp luật để chủ thể có quyền yêu cầu chuyển giao quyền đó cho người thế quyền. Vì thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu phải được các bên thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, không được làm ảnh hưởng đến lợi ích của các bên, lợi ích của chủ thể khác và lợi ích công cộng, thế nên khi thuộc một số trường hợp tương tự như giao dịch dân sự vô hiệu, việc vô hiệu thỏa thuận này là điều cần thiết để tạo an toàn pháp lý hơn, đảm bảo quyền lợi cho chủ thể bị ảnh hưởng quyền lợi hoặc lợi ích công cộng. Với đề xuất bổ sung quy định như trên cho thấy không phải bất kỳ thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM nào cũng hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, khi thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu này vô hiệu sẽ triệt tiêu hiệu lực của thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu không hợp pháp, đồng thời thể hiện sự rõ ràng hơn của quy định pháp luật trong việc vô hiệu thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu, thống nhất với quy định pháp luật về giao dịch dân sự vô hiệu, tạo hành lang pháp lý an toàn cho các chủ thể trong thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM.

Theo đó, thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM sẽ bị vô hiệu khi thuộc các trường hợp tại Điều 123, 124, 125, 126, 127 và 128 Bộ luật Dân sự 2015, bao gồm: 1) do vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; 2) do giả tạo; 3) do người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự xác lập, thực hiện; 4) do bị nhầm lẫn; 5) do bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép; 6) do người xác lập không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình. Vì thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu pháp luật không buộc các bên phải xác lập thông qua hình thức nhất định để thỏa thuận có hiệu lực, cho nên quy định tại Điều 129 Bộ luật Dân su ự 2015 sẽ không được viện dẫn vào quy định đề xuất trên. Bên cạnh đó, khi thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu, các vấn đề liên quan đến thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu từng phần, giải quyết hậu quả pháp lý của thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu và thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu cũng sẽ được thực hiện theo các quy định tại Điều 130, 131 và 132 Bộ luật Dân su ự 2015.

2.3.2. Bổ sung quy định về hình thức thông báo chuyển giao quyền yêu cầu có giá trị tương đương văn bản

theo hướng: "*Thông báo chuyển giao quyền yêu cầu thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức văn bản điện tử, tài liệu điện tử, chứng thư điện tử, chứng từ điện tử, hợp đồng điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và hình thức trao đổi dữ liệu điện tử khác theo quy định của pháp luật được coi là thông báo bằng văn bản*".

Thông báo bằng văn bản về việc chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM là nghĩa vụ của người chuyển giao quyền yêu cầu phải thực hiện, để bên có nghĩa vụ có được thông tin về việc chuyển giao quyền yêu cầu, giúp bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các cam kết của mình trong HĐTM đối với người thế quyền, bảo vệ quyền lợi cho mình nếu có vấn đề phát sinh. Trường hợp người chuyển giao quyền yêu cầu vi phạm về hình thức thông báo bằng văn bản sẽ dẫn đến những hệ quả bất lợi như: người chuyển giao quyền yêu cầu phải thanh toán chi phí phát sinh của bên có nghĩa vụ do không được thông báo, bên có nghĩa vụ có quyền từ chối việc thực hiện nghĩa vụ đối với người thế quyền hoặc người thế quyền không được yêu cầu bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ đối với mình khi bên có nghĩa vụ do không được thông báo về việc chuyển giao quyền yêu cầu mà đã thực hiện nghĩa vụ đối với người chuyển giao quyền yêu cầu.

Thực tế, một số quy định khác của pháp luật đã có sự thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu khi có yêu cầu về hình thức thể hiện bằng văn bản, điều này là phù hợp xu hướng phát triển của công nghệ và kinh tế số, giúp nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cho các tổ chức kinh tế. Do đó quy định được bổ sung như trên là phù hợp với yêu cầu của thực tiễn, hạn chế khả năng vi phạm nghĩa vụ thông báo, tạo sự thống nhất với các quy định khác, thể hiện sự mềm dẻo quy định của pháp luật trong việc chấp nhận hình thức thông báo bằng thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản. Đồng thời với sự đa dạng của thông điệp dữ liệu, quy định đã mở rộng hình thức thông báo tương đương văn bản, tạo điều kiện thuận lợi cho người chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thông báo một cách nhanh chóng, thuận tiện, phù hợp với điều kiện thực tế, hạn chế những rủi ro có thể phát sinh so với thông báo bằng văn bản truyền thống như trước đây.

3. Kết luận

Chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM là việc dịch chuyển quyền yêu cầu từ bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trong HĐTM sang người thế quyền, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao quyền yêu cầu nói chung và chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM nói riêng, Bộ luật Dân sự 2015 đã có những quy định kế thừa và có những điểm mới so với Bộ luật Dân sự 2005 để điều chỉnh hoạt động này, giúp cho các chủ thể thực hiện quyền dân sự một cách nhanh chóng và hiệu quả. Tuy nhiên, cho đến nay quy định về chuyển giao quyền yêu cầu vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định dẫn đến rủi ro pháp lý cho các chủ thể liên quan trong việc chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM. Vì thế để khắc phục những vấn đề này, tác giả đã kiến nghị theo hướng bổ sung quy định về thỏa thuận chuyển giao quyền yêu cầu vô hiệu và bổ sung quy định về hình thức thông báo chuyển giao quyền yêu cầu có giá trị tương đương văn bản. Qua đó giúp hoàn thiện quy định của pháp luật về chuyển giao quyền yêu cầu phát sinh từ HĐTM, bảo đảm an toàn pháp lý cho các chủ thể và lợi ích công cộng trong việc chuyển giao quyền yêu cầu.

Tài liệu tham khảo

[1] Quốc hội (1995), *Bộ luật Dân sự số 44-L/CTN*.

[2] Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11*.

[3] Quốc hội (2005), *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*.

[4] Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.

[5] Quốc hội (2023), *Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15*.

[6] Trương Thị Mỹ Hạnh, (2014), *Chuyển giao quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự nhìn từ thực tiễn xét xử*, nguồn: https://danchuphapluat.vn/chuyen-giao-quyen-yeu-cau-thuc-hien-nghia-vu-dan-su-nhin-tu-thuc-tien-xet-xu, truy cập ngày 04/02/2025.

[7] Nguyễn Văn Cừ, Trần Thị Huệ, (2017), *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự năm 2015 của nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,* NXB Công an nhân dân, Hà Nội.

[8] Đào Khánh Linh (2024), *Chuyển giao quyền yêu cầu và chuyển giao nghĩa vụ dân sự theo pháp luật Việt Nam,* nguồn: https://danchuphapluat.vn/chuyen-giao-quyen-yeu-cau-va-chuyen-giao-nghia-vu-dan-su-theo-phap-luat-viet-nam, truy cập ngày 04/02/2025.